

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1040/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10/9/2019
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Nguyệt

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng
2. Ông Chu Mạnh Tường

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa:
Không tham gia

Ngày 10 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 676/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 397/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Đình T, sinh năm 1969
Địa chỉ: khu phố A, phường Bình C, quận Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.
(có mặt)
2. *Bị đơn:* Bà Vũ Thị Lệ H, sinh năm 1972
Địa chỉ: đường A, khu phố B, phường Bình C, quận Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/6/2019 và bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn ông Trần Đình T trình bày: Ông và Bà Vũ Thị Lệ H tự nguyện kết hôn vào năm 1990 có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân Phường A, quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi lập gia đình ông bà sống tự lập. Theo ông cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu đến năm 1993 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng nhau trong lĩnh vực kinh tế lẫn tình cảm, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống; bà H không lo làm ăn, nên từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc. Ông và bà H đã ly thân từ tháng 6/2019 cho đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông xin được ly hôn với bà H.

Về con chung: Có 03 người con chung tên Trần Thị Thúy A, sinh ngày 22/01/1991, Trần Thị Thúy V, sinh ngày 02/5/1999 và Trần Vũ Thúy V, sinh ngày 06/6/2000. Cả 3 người con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai và tại các buổi hòa giải Bà Vũ Thị Lệ H trình bày: Bà xác nhận thời gian kết hôn đúng như ông T trình bày. Theo bà, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 6/2019 nguyên nhân là do ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, từ đó cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc và vợ chồng ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vẫn còn, bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 03 người con chung tên Trần Thị Thúy A, sinh ngày 22/01/1991, Trần Thị Thúy V, sinh ngày 02/5/1999 và Trần Vũ Thúy V, sinh ngày 06/6/2000. Cả 3 người con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tại bản tự khai cũng như các lần hòa giải bà H có liệt kê tài sản chung của vợ chồng nhưng bà xác định tình cảm vẫn còn, bà không đồng ý ly hôn và mong muốn để lại tài sản cho các con, không muốn yêu cầu Tòa án phải phân chia.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn ông Trần Đình T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Bị đơn Bà Vũ Thị Lệ H không đồng ý ly hôn vì tình cảm vẫn còn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp ly hôn” nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn cư trú tại quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung: Ông Trần Đình T và Bà Vũ Thị Lệ H tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 93 ngày 04/11/1999 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận Tân B cấp, do đó hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Ngày 13/6/2019 ông T nộp đơn xin ly hôn với Bà Vũ Thị Lệ H, trong quá trình hòa giải ông T kiên quyết xin ly hôn, bà H xác định tình cảm vẫn còn, bà không đồng ý ly hôn.

Về yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Đình T Hội đồng xét xử nhận thấy theo lời trình bày của đương sự thể hiện mâu thuẫn vợ chồng là có, cuộc sống hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống hôn nhân không còn tồn tại, vợ chồng không còn

gắn bó tình cảm, không còn trách nhiệm chăm sóc lẫn nhau và hiện nay các bên vẫn còn mâu thuẫn. Hiện nay vợ chồng đã không còn chung sống với nhau, không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau. Chính điều này cho thấy giữa hai bên đã có những khác nhau về mặt nhận thức, làm cho cuộc sống chung không thể tiếp tục, các mâu thuẫn không được quan tâm giải quyết và hiện tại vẫn còn mâu thuẫn, điều đó chứng tỏ khả năng giải quyết những mâu thuẫn phát sinh trong thực tế cuộc sống vợ chồng là không có. Xét thấy tình cảm vợ chồng được xây dựng dựa trên cơ sở tự nguyện, tôn trọng yêu thương và nỗ lực vun đắp từ hai phía, ông T và bà H đã có nhiều mâu thuẫn mà giữa các bên là không thể giải quyết, sự tin tưởng lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng cũng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy để ổn định cuộc sống cho các bên đương sự và căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T về việc xin ly hôn với bà H.

Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của ông T và bà H cũng như giấy khai sinh của 03 người con được ông T cung cấp trong hồ sơ vụ kiện, có cơ sở xác định quá trình sống chung giữa ông T và bà H có 03 người con chung tên Trần Thị Thúy A, sinh ngày 22/01/1991, Trần Thị Thúy V, sinh ngày 02/5/1999 và Trần Vũ Thúy V, sinh ngày 06/6/2000. Cả 3 người con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Ông T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà H xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng bà không đồng ý ly hôn nên bà không có đơn yêu cầu phản tố chia tài sản chung. Ngày 25/7/2019 Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đã ban hành Thông báo số 13/TB.TA về việc yêu cầu bà H trong thời hạn 15 ngày nếu có yêu cầu chia tài sản chung thì cung cấp chứng cứ cho yêu cầu của mình và phải nộp đơn yêu cầu phản tố chia tài sản chung theo quy định nhưng bà H vẫn không có đơn yêu cầu phản tố nộp cho Tòa án nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung. Ông T và bà H tự thỏa thuận về tài sản chung, nếu không thỏa thuận được thì ông bà được quyền khởi kiện tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung trong một vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

Nợ chung: Ông T và bà H xác định không có nợ chung

Về án phí: Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015. Ông T phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 269, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đình T.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Đình T được ly hôn Bà Vũ Thị Lệ H.

Về con chung: Có 03 người con chung tên Trần Thị Thúy A, sinh ngày 22/01/1991, Trần Thị Thúy V, sinh ngày 02/5/1999 và Trần Vũ Thúy V, sinh ngày 06/6/2000. Cả 3 người con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Các đương sự được quyền khởi kiện tranh chấp tài sản chung bằng một vụ kiện khác theo quy định của pháp luật nếu có yêu cầu.

Nợ chung: Không có.

2-/ Về án phí: Ông Trần Đình T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (hai trăm ngàn) đồng ông T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003258 ngày 26/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức. Bà Vũ Thị Lệ H không phải chịu án phí.

3-/ Quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xét xử công khai các đương sự có mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án NDTP.HCM;
- VKS NDQ.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q.Thủ Đức;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các bên đ/sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ánh Nguyệt

